

Số/No.: 107/2023/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2023
Hanoi, day 24 month 02 year 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
 - Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
 - Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF MAFM VN30
 - Mã chứng khoán/ *Securities symbols*: FUEMAV30
 - Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 23/02/2023
 - Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF /*Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates*
- Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT <i>Order</i>	Mã chứng khoán <i>Securities symbol</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weighting</i>
I.	Chứng khoán/ <i>Stock</i>		
1	ACB	3500	7.0%
2	BCM	100	0.7%
3	BID	300	1.1%
4	BVH	100	0.4%
5	CTG	900	2.1%
6	FPT	1200	7.9%
7	GAS	100	0.9%
8	GVR	200	0.2%
9	HDB	2100	3.1%
10	HPG	3900	6.7%
11	MBB	3100	4.6%
12	MSN	800	5.9%
13	MWG	1300	4.5%
14	NVL	1300	1.3%
15	PDR	300	0.3%
16	PLX	100	0.3%
17	POW	700	0.7%
18	SAB	100	1.5%
19	SSI	1200	1.9%
20	STB	2300	4.6%
21	TCB	2800	6.2%
22	TPB	1100	2.1%
23	VCB	600	4.5%
24	VHM	1300	4.5%
25	VIB	1300	2.2%
26	VIC	1200	5.1%
27	VJC	300	2.4%
28	VNM	1000	6.1%
29	VPB	5800	8.2%
30	VRE	1100	2.5%
II.	Tiền / <i>Cash (VND)</i>	4,593,147	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value*:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: 1,231,145,000 VND

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: 1,235,738,147 VND

+ Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value*: 4,593,147 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread*:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	ACB	24,850	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	45,000	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
3	BVH	50,000	BVSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
4	FPT	81,800	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	18,250	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	43,000	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	TCB	27,500	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	TPB	23,550	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	VIB	21,000	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	VPB	17,450	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)
State if component securities shall have corporate action:
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations:*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 23/02/2023	Kỳ trước/Last period (**) 22/02/2023	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued shares</i>	28,100,000	28,100,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ <i>Closing price</i>	12,400	12,450	(50)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net Asset Value at Valuation Date</i>			
- của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	347,242,419,297	357,088,142,158	(9,845,722,861)
- của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF Creation Unit</i>	1,235,738,147	1,270,776,307	(35,038,160)
- của 1 CCQ/ <i>per share</i>	12,357.38	12,707.76	(350.38)
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,050.95	1,051.08	(0.13)

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 22/02/2023

(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 21/02/2023

Chủ tịch công ty kiêm đại diện pháp luật

Chairman and legal representative



Huh Hong Suk